TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
2. Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Phúc H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương T, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Vũ Phúc H trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hương T năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn hoàn toàn là tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đám cưới chị T về làm dâu và sinh sống cùng gia đình anh tại thôn C, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không được vui vẻ. Nguyên nhân do tính cách anh chị không hợp

nhau. Đến năm 2020 anh và chị T sống ly thân, chị T đi đâu, làm gì anh không rõ. Mâu thuẫn vợ chồng anh, gia đình anh và chị T có biết và can ngăn, khuyên nhủ, động viên, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung*:* Quá trình chung sống anh và chị T có 01 con chung là Vũ M, sinh ngày 26/10/2013. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Hương T, nhưng chị T không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ gì.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Trần Thị V là mẹ đẻ chị T cho biết: Năm 2013 gia đình có tổ chức hôn lễ cho chị T và anh Vũ Phúc H. Trước khi kết hôn cả hai có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện. Sau đám cưới, anh H và chị T sinh sống tại nhà bà một thời gian, rồi về nhà anh H tại thôn C, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Thời gian đầu chị T thường xuyên về nhà bà chơi, có lần về cùng anh H, có lần về một mình. Do ở xa nên cuộc sống vợ chồng của anh H và chị T thế nào bà không nắm rõ, bà không biết anh H và chị T có mâu thuẫn như nào, bà có biết việc anh H và chị T có ý định ly hôn với nhau. Khoảng tháng 4 năm 2021 chị T đi làm ăn xa, từ đó đến nay không thấy về thăm nhà, nhưng thỉnh thoảng vẫn liên lạc với bà qua mạng xã hội. Bà chỉ biết chị T đi làm ăn còn làm gì, ở đâu bà không biết, chị T cũng không nói. Nay anh H có đơn yêu cầu ly hôn với chị T, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Phúc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hương T; về con chung: Giao cho anh H nuôi con, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Không đặt ra xem xét; anh Vũ Phúc H phải chịu phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Nguyên đơn anh Vũ Phúc H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Hương T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sựu tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Phúc H kết hôn với chị Nguyễn Thị Hương T có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 18/04/2013. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh H và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh Vũ Phúc H ly hôn với chị Nguyễn Thị Hương T.

[3] *Về con chung:* Quá trình chung sống anh Vũ Phúc H và chị Nguyễn Thị Hương T có 01 con chung là Vũ M, sinh ngày 26/10/2013. Ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Cháu M cũng có nguyện vọng được ở với anh H nên giao cháu M cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ chung đối với tài sản:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Anh Vũ Phúc H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Phúc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hương T

2. Về con chung: Giao cháu Vũ M, sinh ngày 26/10/2013 cho anh Vũ Phúc H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Vũ Phúc H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số:

0013286 ngày 07/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam;
- UBND xã C, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân